TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ B** **TỈNH Đ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:**42**/2022/DS-ST
Ngày: 10-6-2022
V/v *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA- TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quỳnh
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Trần Văn Chánh.
2. Bà Thiều Thị Phi Loan.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Minh Sơn – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đ

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Đ tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Đông – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 420/2021/TLST–DS ngày 17 tháng 5 năm 2021, về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2022/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 4 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên toà số: 463/2022/QĐST- DS ngày 09/5/2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Thuý L**, sinh năm 1953.
Địa chỉ: F6/1, khu phố 1, phường T, thành phố B, tỉnh Đ.
Đại diện theo uỷ quyền: Ông Trần H, sinh năm 1990.
Địa chỉ: 240, đường 30/4, phường Th, thành phố B, tỉnh Đ. (Văn bản uỷ quyền ngày 02/4/2021)
- Bị đơn: Bà **Vũ Thị M**, sinh năm 1950.
Địa chỉ: Tổ 1, khu 1, khu phố 3, phường A, thành phố B, tỉnh Đ.

(Ông H có đơn xin xét xử vắng mặt, bà M vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Đại diện theo uỷ quyền của bà Nguyễn Thị Thuý L là ông Trần H trình bày:

Do mối quan hệ quen biết nên bà L có cho bà M vay hai lần tiền tổng số tiền là 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng). Việc vay mượn bà M có viết giấy mượn tiền cho bà L, bà L đã nộp tiền vào tài khoản 0481000776259 của bà M tại

Ngân hàng Viettinbank, cụ thể: Ngày 29/7/2020 nộp hai khoản là 200.000.000 đồng và 50.000.000 đồng và ngày 04/8/2020 nộp 250.000.000 đồng.

Việc vay mượn không cầm cố thế chấp gì, bà M có cam kết trả lãi cho bà L là 2%/tháng nhưng từ khi vay đến nay bà M chưa thanh toán cho bà L như thoả thuận, bà M có cam kết trả cho bà L số tiền mượn trên vào ngày 14/8/2020 nhưng bà M không trả.

Nay, bà L khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết buộc bà M phải trả cho bà L số tiền nợ gốc là 500.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 15/8/2020 đến ngày 10/6/2022 là: 500.000.000 đồng x 0,75% x 21 tháng 26 ngày = 82.000.000 đồng. Tổng cộng gốc và lãi là 582.000.000 đồng (Năm trăm tám mươi hai triệu đồng).

Bị đơn bà Vũ Thị M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến.

Ý kiến đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Đại diện uỷ quyền của nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có lời khai, có yêu cầu giải quyết vắng mặt nên đại diện uỷ quyền của nguyên đơn thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt tại phiên toà, không có lời khai nên bị đơn không thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà Vũ Thị M phải trả cho bà Nguyễn Thị Thuý L tổng số tiền là 582.000.000 đồng. Trong đó, nợ gốc là 500.000.000 đồng, nợ lãi tính từ ngày 15/8/2020 đến 10/6/2022 là 82.000.000 đồng. Bị đơn phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Vũ Thị L đã được Tòa án tống đạt hợp lệ giấy triệu tập, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, quyết định xét xử, quyết định hoãn phiên toà nhưng đều vắng mặt không có lý do. Ông Trần H có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 207, Điều 208; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử, xét xử vắng mặt ông H, bà M.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Bà Nguyễn Thị Thuý L khởi kiện bà Vũ Thị M tranh chấp số tiền cho vay và tiền lãi căn cứ vào Điều 463 Bộ luật Dân

sự năm 2015 xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là "Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản".

[3] Về thẩm quyền giải quyết: Ngày 30/11/2021 Toà án nhân dân thành phố B có ban hành quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 45/2021/QĐDS-ST thông báo tìm kiếm đối với bà Vũ Thị M, sinh năm 1950 vắng mặt tại nơi cư trú cuối cùng: Tổ 1, khu 1, khu phố 3, phường A, thành phố B, tỉnh Đ căn cứ vào Điều 26, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố B.

[4] Về tư cách đương sự: Căn cứ khoản 2 Điều 68 xác định Nguyễn Thị Thuý L là nguyên đơn, bà Vũ Thị M là bị đơn.

[5] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thuý L, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau: Bà Nguyễn Thị Thuý L căn cứ vào chứng cứ là giấy mượn tiền, chứng từ giao dịch giấy nộp tiền ngày 29/7/2020 và ngày 08/4/2020 thể hiện nội dung bà Vũ Thị M có vay của bà L tổng số tiền gốc là 500.000.000 đồng. Ngày 10/5/2022 Toà án nhân dân thành phố B có ban hành công văn số 759/CV-TA gửi Ngân hàng TMCP Công thương - Chi nhánh Khu công nghiệp để xác minh việc bà L có chuyển tiền vào tài khoản của bà Vũ Thị M như bà L trình bày và cung cấp tài liệu chứng cứ hay không. Ngày 20/5/2022 Ngân hàng có công văn trả lời xác nhận bà Nguyễn Thị Thuý L có nộp tiền vào tài khoản 0481000776259 của bà Vũ Thị L 03 giấy nộp tiền như đại diện uỷ quyền của bà L đã trình bày và cung cấp cho Toà. Do đó việc khởi kiện tranh chấp số tiền 500.000.000 đồng của bà L là có căn cứ chấp nhận.

Về lãi suất: Mặc dù trong vay tiền ghi lãi suất là 2%/tháng nhưng nguyên đơn yêu cầu lãi suất là 0,75% tháng là không vượt quá quy định của pháp luật. Căn cứ 466 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Liên về tổng số tiền lãi trên số nợ gốc 500.000.000 đồng là 82.000.000đồng.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 463, 465, 466 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thuý L buộc bà Vũ Thị M phải thanh toán cho bà Nguyễn Thị Thuý L tổng số tiền là 582.000.000 đồng. Trong đó, nợ gốc là 500.000.000 đồng, nợ lãi tính đến ngày từ 14/8/2020 đến 10/6/2022 ngày là 82.000.000 đồng.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Bà Vũ Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 27.280.000 đồng (Hai mươi bảy triệu hai trăm tám mươi ngàn đồng).

[7] Ý kiến của Đại diện Viện Kiểm sát và đương sự:

- Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về hướng giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

- Xét yêu cầu của bà L phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 429, Điều 463, 465, 466 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 26, Điều 35 và Điều 39, Điều 147, Điều 184, Điều 207, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Nghị quyết số: 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm có hiệu lực ngày 15/3/2019;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thuý L.

Buộc bà Vũ Thị M phải trả cho bà Nguyễn Thị Thuý L tổng số tiền là 582.000.000 đồng (Năm trăm tám mươi hai triệu đồng). Trong đó, nợ gốc là 500.000.000 đồng, nợ lãi tính đến ngày từ 15/8/2020 đến 10/6/2022 ngày là 82.000.000 đồng.

2. Về trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ thi hành án: Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án nếu người phải thi hành án chưa thanh toán hết các khoản tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải chịu tiền lãi trên số tiền chậm trả, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Bà Vũ Thị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là: 27.280.000 đồng (Hai mươi bảy triệu hai trăm tám mươi ngàn đồng).

Bà Nguyễn Thị Thuý L được miễn giảm án phí theo quy định của pháp luật.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án

dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đ (01);
- VKSND TP. B (02);
- Chi cục THADS TP. B (01);
- Các đương sự (4);
- Lưu HS-VP (03).

Nguyễn Thị Quỳnh